

Tập 17

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang mười tám:

(Sớ) Kim vị ước Sanh Diệt môn, dĩ bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm, tắc vô minh sở phú, thất bản lưu mạt, hỗn loạn chân thể, cố danh viết Trược. Như trùng nê sa, phục sử tịnh khiết, tư chi vị thanh, tức chỉ chuyển Ngũ Trược nhi thành Thanh Thái dã.

(疏)今謂約生滅門，以不如實知真如法一故，不覺心起而有其念，則無明所覆，失本流末，渾亂真體，故名曰濁。如澄泥沙，復使淨潔，斯之謂清，即指轉五濁而成清泰也。

(Sớ: Nay ước theo Sanh Diệt môn thì do chẳng như thật biết “trong Chân Như, các pháp là một”, tâm bất giác dấy lên ý niệm, liền bị vô minh che lấp, đánh mất gốc, chạy theo ngọn, hỗn loạn chân thể, nên gọi là Trược. Như lắng bùn cát, khiến cho [nước] trong sạch trở lại, đó gọi là Thanh, tức là chuyển Ngũ Trược thành cõi Thanh Thái).

Đối với những đồng tu nghiên cứu Phật học chúng ta mà nói thì đoạn kinh văn này hết sức trọng yếu. Có nhiều vị đồng tu hỏi: “Vô minh do đâu mà có? Vì sao có vô minh?” Ở đây, Liên Trì đại sư đã bảo cho chúng ta biết chuyện này, nhưng đoạn kinh văn này có ý nghĩa khá sâu, nhất định phải rất chú tâm lãnh hội. Quá nửa lời chú giải trích dẫn những câu văn từ Đại Thừa Khởi Tín Luận để giải thích.

“Ước Sanh Diệt môn, dĩ bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố” (Ước theo Sanh Diệt môn thì do chẳng như thật biết: Trong Chân Như, các pháp là một): Đây là nói cho chúng ta biết nguyên nhân vì sao vô minh khởi lên. Xin hãy xem phần chú giải:

(Diễn) Ước Sanh Diệt môn giả.

(演) 約生滅門者。

(Diễn: Ước theo Sanh Diệt môn thì...)

Nhìn từ phía Sanh Diệt môn.

(Diễn) Thượng Minh Tánh nhất khoa, thị ước Chân Như môn thuyết.

(演) 上明性一科，是約真如門說。

(Diễn: Khoa mục Minh Tánh (giảng rõ Tánh) trong phần trước là dựa theo Chân Như môn để nói).

Đoạn lớn Minh Tánh trong phần trước là căn cứ trên Chân Như môn để nói. Trong Chân Như môn, hoàn toàn nói tánh thể của bốn tánh là bất sanh bất diệt, đó là nói theo phương diện Pháp Tánh; còn nói theo Sanh Diệt môn, tức là luận theo Pháp Tướng thì Tướng có sanh diệt, Tánh bất sanh bất diệt.

(Diễn) Kim tán kinh, thị ước Sanh Diệt môn thuyết dã.

(演) 今讚經，是約生滅門說也。

(Diễn: Nay phần khen ngợi kinh này bèn ước theo Sanh Diệt môn để nói).

Nay chúng ta tán thán bộ kinh này. Đây là đoạn lớn thứ hai trong lời Tựa. Lời Tựa có tất cả năm đoạn, [phần Tán Kinh] là đoạn thứ hai. Phần Tán Kinh dựa trên Sanh Diệt Môn để nói.

(Diễn) Luận vân.

(演) 論云。

(Diễn: Khởi Tín Luận chép).

“Luận” ở đây là Khởi Tín Luận.

(Diễn) Y nhất tâm pháp hữu nhị chủng môn.

(演) 依一心法有二種門。

(Diễn: Pháp được kiến lập trên nhất tâm có hai môn).

Hai môn được kiến lập trong nhất tâm, quyết chẳng phải là hai cái tâm, mà là trong nhất tâm có hai môn.

(Diễn) Nhất giả, tâm Chân Như môn, nhị giả, tâm Sanh Diệt môn.

(演) 一者心真如門，二者心生滅門。

(Diễn: Một là tâm Chân Như môn, hai là tâm Sanh Diệt môn).

Một đấng là nói theo phương diện Lý Thể của chân tâm, một đấng là nói theo phương diện tác dụng của chân tâm, có thể thấy: Vẫn là nói về cùng một chuyện! Nói theo tâm thể (bản thể của cái tâm) thì là Chân Như môn; nói theo phương diện tác dụng của cái tâm thì là Sanh Diệt môn. Do vậy, Sanh Diệt và Chân Như là một, không phải hai, tức là Thể và Dụng là một, không hai. Hiểu được mối quan hệ giữa Thể và Dụng, quý vị sẽ hiểu được ý nghĩa “*một tâm hai môn*”.

(Diễn) Tâm Chân Như giả, tức thị nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể.

(演) 心真如者，即是一法界大總相法門體。

(Diễn: Tâm Chân Như chính là Thể của pháp môn đại tổng tướng Nhất Chân pháp giới).

Bài giảng thứ nhất trong Phật Học Thập Tứ Giảng được mở đầu bằng câu: “*Nhất Thiết Trí, tri pháp tổng tướng*” (Nhất Thiết Trí biết tổng tướng của các pháp). “*Tổng tướng*” là dựa trên Thể để nói, tổng tướng là Không tướng, như thường nói: “*Vạn pháp đều không*”. Không chẳng phải là Vô, Không là Có. Lũ phàm phu chúng ta sợ Không nhất, cho rằng đã là Không thì sẽ chẳng được gì cả, hết sức kinh sợ, hoảng hốt! Phàm phu chấp Có, do chấp Có nên có phiền não, sanh tử, luân hồi, phiền phức to lớn. Nếu quý vị thật sự liễu giải Không, phiền não sẽ chẳng còn nữa. Phiền não đã Không, thì sanh tử cũng Không, luân hồi cũng Không, quý vị chúng được Pháp Thân, Bát Nhã và đại tự tại (giải thoát). Lợi ích công đức của Không thù thắng, quả thật chẳng có cách nào hình dung được. Phàm phu sợ Không, người học Phật chẳng sợ Không; do Không nên mới có thể kiến tánh, mới có thể tương ứng với Nhất Chân pháp giới, đây là tương ứng với bản thể của pháp môn. Đây là dựa trên Chân Như bốn tánh để nói.

Hai chữ Chân Như mâu nhiệm tột bậc! “*Chân*”: Chẳng những nói Tánh là chân, mà Tướng cũng chân, một thứ chân, hết thấy đều chân. Ngộ rồi thì quả thật là cảnh giới này, chẳng có một pháp nào không chân, đó gọi là “*Thật Tướng của các pháp*”, Thật là tướng chân thật. Thế nhưng một thứ đã mê rồi thì hết thấy đều mê. Mê rồi, tìm một thứ chân cũng chẳng thể được, vì sao? Hoàn toàn bị mê tình che lấp, tìm chẳng được pháp chân thật. Nếu quý vị chú tâm thấu hiểu ý nghĩa của “*Như*” thì như trong bộ Pháp Hoa Kinh Văn Cú, Trí Giả đại sư đã dùng ba phương pháp để đọc từ ngữ “*thập như thị*”, biến nó thành ba mươi câu, lại từ ba mươi câu này diễn biến thành “*bách giới, thiên như*”. Đây chính là thấy hết thấy

pháp, không một pháp nào chẳng Như. “*Pháp*” là Pháp Tướng. Pháp Tướng giống như Pháp Tánh, Pháp Tánh giống như Pháp Tướng. Nói cách khác, Pháp Tánh chính là Pháp Tướng, Pháp Tướng chính là Pháp Tánh. Tánh - Tướng bất nhị, Tánh là chân, mà Tướng cũng là chân; do vậy gọi là Chân Như. Đây chính là như kinh Bát Nhã thường nói “*chư pháp Thật Tướng*” (Thật Tướng của các pháp).

Theo kinh Di Đà, cảnh giới tu hành gồm ba phẩm Thượng, Trung, Hạ, giống như thành tích học tập có ba bậc Thượng, Trung, Hạ. Thành tích bậc nhất là cao nhất: Lý nhất tâm bất loạn sẽ thấy Chân Như, thấy được [Chân Như trong] cảnh giới này. Thành tích bậc nhì là Sự nhất tâm bất loạn, cảnh giới này chưa thấy được Chân Như, đây chính là công phu thành phần. Tuy vậy, quý vị phải hiểu: Bậc ba đã được coi là thi đậu, chắc chắn được vãng sanh. Sau khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ lại dần dần nâng cao cảnh giới, mục tiêu cuối cùng nhất định là chứng đắc Chân Như, chứng đắc Thật Tướng, ở trong Tịnh Độ gọi là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Lý nhất tâm bất loạn thì mới có thể chứng được!

(Diễn) Tâm sanh diệt giả.

(演) 心生滅者。

(Diễn: Tâm sanh diệt là...)

“*Tâm sanh diệt*” là cảnh giới hiện tại của chúng ta, ý nghĩa này khá dễ hiểu. “*Tâm Chân Như*” chẳng phải là cảnh giới hiện tại của chúng ta. Trong tâm chúng ta, ý niệm này sanh, ý niệm khác diệt, trong một ngày chẳng biết khởi lên bao nhiêu vọng tưởng. Đây là “*tâm Sanh Diệt môn*”. Tâm sanh diệt là tác dụng của chân tâm, trong ấy có mê và ngộ. Hễ ngộ thì gọi là Như Lai Tạng, mê thì gọi là A Lại Da. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: A Lại Da và Như Lai Tạng là cùng một chuyện. Vì sao gọi là Như Lai Tạng? Như Lai được cất giữ trong ấy. Tâm sanh diệt có thể nói là chân và vọng hòa hợp, vừa có chân, vừa có vọng. Ngộ thì nó là chân, mê thì nó là vọng. Chẳng thể nói một nửa này là chân, nửa kia là vọng, [nếu hiểu như vậy] là sai rồi! Ngộ thì gọi là Như Lai Tạng, mê thì gọi là A Lại Da.

(Diễn) Y Như Lai Tạng cố hữu sanh diệt tâm, sở vị: Bất sanh bất diệt dữ sanh diệt hòa hợp, phi nhất, phi dị, danh vi A Lê Da thức vân vân. Thử tức Sanh Diệt môn dã.

(演)依如來藏故有生滅心，所謂不生不滅與生滅和合，非一非異，名為阿黎耶識云云。此即生滅門也。

(Diễn: Nương vào Như Lai Tạng nên có tâm sanh diệt, nghĩa là: Bất sanh bất diệt và sanh diệt hòa hợp, chẳng phải một, chẳng phải khác, gọi là A Lê Da thức v.v... Đây chính là môn Sanh Diệt vậy).

A Lê Da thức chính là A Lại Da thức (Ālayavijñāna). Tông chỉ học Phật là phá mê khai ngộ. Gọi là phàm phu vì mê mất Như Lai Tạng, trong tâm sanh diệt mê mất Như Lai Tạng. Hễ một thứ mê, hết thấy đều mê, chẳng thể thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sinh, mê mất rồi!

(Diễn) Dĩ bất như thật tri.

(演) 以不如實知。

(Diễn: Do chẳng biết đúng như thật).

Chẳng thể giống như chư Phật và các vị đại Bồ Tát thật sự liễu giải “Chân Như pháp nhất cố” (trong Chân Như, các pháp là một). Do vậy, kinh Hoa Nghiêm gọi [cảnh giới ấy] là Nhất Chân pháp giới, toàn thể pháp giới là một, chứ không phải hai. Vì thế, nói theo Chân Như môn, nó là bản thể của pháp môn đại tông tướng Nhất Chân pháp giới. Khi tâm sanh diệt thì là tác dụng của pháp môn đại tông tướng Nhất Chân pháp giới. Tác dụng của chư Phật, Bồ Tát là đại tự tại, giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói “Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”. Tác dụng của các Ngài là cảnh giới vô ngại, giải thoát thật sự, tự tại thật sự. Thế nhưng sau khi đã mê, chúng ta hứng chịu quả báo là hết thấy các nỗi khổ bất bình đẳng, thiếu tự do trong hiện tại, phiền phức rất lớn! Chúng ta khởi tâm động niệm, hết thấy tạo tác đều là nhân của các nỗi khổ, tạo thành những trói buộc, tạo ra nghiệp phân biệt. Mê rồi mới làm ra những chuyện ấy, mới có sanh tử luân hồi không dứt trong lục đạo.

(Diễn) Bất giác hữu kỳ niệm giả.

(演) 不覺有其念者。

(Diễn: Bất giác có ý niệm là...)

“Bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm” (Tâm bất giác dấy lên bèn có ý niệm): Tâm bất giác là tâm mê hoặc, là vô minh. Đây gọi là “vô minh bất giác sanh tam tế”. Vô minh đứng đầu trong ba tướng Tế.

(Diễn) Luận vân: “A Lê Da thức hữu nhị chủng nghĩa, nhất giả giác nghĩa, nhị giả bất giác nghĩa”.

(演) 論云：阿黎耶識有二種義，一者覺義，二者不覺義。

(Diễn: Khởi Tín Luận viết: “A Lê Da thức có hai nghĩa: Một là nghĩa giác, hai là nghĩa bất giác”.

Chúng ta tu hành phải nương vào nghĩa Giác, phải tách lìa nghĩa Bất Giác. Có thể nói là Quyền Giáo Nhị Thừa, ngoại đạo, phạm phu đều dùng nghĩa Bất Giác trong A Lê Da thức (A Lại Da thức); do vậy, mê hoặc, điên đảo, đúng như kinh Địa Tạng đã nói: “*Khởi tâm động niệm vô bất thị nghiệp*” (Khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là nghiệp), bởi lẽ, họ khởi tâm động niệm đều dựa theo cái tâm Bất Giác.

Tiếp theo đó, sách Diễn Nghĩa chú giải thế nào là Giác và Bất Giác, nhất định phải hiểu rõ ràng, đây là chỗ để chúng ta tu học.

(Diễn) Sở ngôn giác nghĩa giả, vị tâm thể ly niệm.

(演) 所言覺義者，謂心體離念。

(Diễn: Nghĩa giác như vừa mới nói [trong câu trên] chính là: Tâm thể ly niệm).

Bốn chữ này phải nhớ thật kỹ. Giác là gì? “*Tâm thể ly niệm*” là giác. Hiện thời, phiền phức nhất là chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối khởi lên ý niệm, chẳng thể tách rời ý niệm. Nói cách khác, có ý niệm là chẳng giác.

Chẳng giác nên mới khởi niệm! Giác rồi sẽ không còn ý niệm nữa. Ý niệm càng nhiều thì quý vị mê càng sâu. Khi nào không còn ý niệm nữa thì là giác. Đây chính là tướng trạng biến hiện của giác và mê, chúng ta nhất định phải nhận biết. Tướng trạng của giác là trong tâm không có ý niệm, tướng trạng của mê là có ý niệm; bất giác sẽ có niệm, còn giác bèn không có ý niệm. Khi giác thì...

(Diễn) Tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân.

(演) 即是如來平等法身。

(Diễn: Chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai).

“*Tâm thể ly niệm*” thì quý vị chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh. Chứng một thứ, hết thấy đều chứng. Đã chứng được Pháp Thân thanh tịnh thì đương nhiên Báo Thân viên mãn liền hiện tiền. Báo Thân viên mãn do trí huệ thành tựu, Giác là trí huệ, trí huệ hiện tiền. Giác khởi tác dụng là ngàn trăm ức Hóa Thân. Chỉ cần quý vị có thể thật sự làm được “*tâm thể ly niệm*” thì sẽ chứng trọn ba thân. Phật và phàm phu khác nhau ở chỗ này. Do vậy, hễ suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, khởi vọng tưởng thì chẳng phải là chuyện tốt đẹp!

Vì thế, học Phật, tôi nhắc lại lần nữa, Phật pháp chẳng phải là học thuật thế gian. Nói cách khác, dùng phương pháp của học vấn thế gian để học Phật pháp là hỏng rồi! Phương pháp được áp dụng trong học vấn thế gian đều là bất giác, có ý niệm; quý vị áp dụng phương pháp ấy để học Phật pháp thì làm sao vào cửa Phật cho được? Cô đức nói rất hay, trong buổi giảng chúng tôi nhắc lại một lần nữa, hy vọng mọi người hãy nhớ kỹ và lại còn biết áp dụng: Nghe kinh phải “*tiêu quy tự tánh*”. Tiêu quy tự tánh là tâm thể ly niệm, trở về với tự tánh. Do tự tánh không có ý niệm, nghe từng câu rõ ràng, rành mạch, trọn chẳng có một tí phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thì mới gọi là “*tiêu quy tự tánh*”. Nếu quý vị nghe xong, điều gì cũng ghim chặt trong lòng, đấy là bất giác, có ý niệm, sẽ biến thành pháp thế gian, nhất quyết chớ nên như vậy! Học Phật kiểu đó thì trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp cũng chẳng thể thành tựu, mà vẫn là phàm phu.

Giống như kinh Kim Cang đã nói, đại chúng tham dự pháp hội giảng kinh này, mỗi một vị đều là thiện căn sâu dày, trong đời quá khứ đều đã thân cận vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Thân cận chư Phật Như Lai nhiều như thế mà nay vẫn là phàm phu, vẫn một mực hồ đồ là do nguyên nhân nào? Là vì quý vị chẳng biết tiêu quy tự tánh, hoàn toàn ghi nhớ ngôn ngữ, ghi nhớ văn tự, chấp vào tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, khởi tâm động niệm chấp vào tướng tâm duyên, chẳng lìa niệm. Do vậy, chẳng thể thành tựu. Nay đã thật sự hiểu rõ căn bệnh này, đau đầu sửa đổi lỗi trước, đó là “*cải tà, quy chánh*”. Tà là gì? Hữu niệm! Bất giác có ý niệm, đấy là căn cội to lớn của hết thấy tà tri kiến. Chúng ta tu hành phải tu từ căn bản, trị bệnh phải trị từ căn bản, phải dốc sức từ chỗ này.

Có đồng tu bảo tôi: Trong khoảng thời gian này, kinh này được giảng rất sâu, nghe không hiểu! Dầu nghe hiểu cũng không thể áp dụng vào cuộc sống thường nhật được! Áp dụng không được cũng phải nghe, vẫn phải tích cực nghe, không nghe không được! Nghe nhiều là huân tập, nghe lâu sẽ biết dùng. Bản thân tôi cũng đã từng trải qua chuyện này. So ra, lúc tôi mới học còn gian nan hơn quý vị. Khi ấy, những thứ thầy giảng

cho tôi không được rõ ràng như tôi giảng [hiện thời], nhất định phải thấu hiểu, phải có lòng nhẫn nại! Thưa quý vị, tôi nhập cảnh giới này, gần như là học Phật hai mươi năm mới nhập cảnh giới này. Dù mài nhiều năm như thế, không bỏ, không buông lung ngày nào. Lúc mới đầu nghe kinh, thầy cũng thường nói “*tiêu quy tự tánh*”, “*chuyển Thức thành Trí*”, tôi cũng nói được, nhưng chẳng biết cách “*tiêu quy*” như thế nào, cũng chẳng biết cách chuyển ra sao, đâm ra chỉ biết nói như vậy mà thôi, sau đây mới dần dần hiểu được đôi chút.

Tôi thưa cùng quý vị, nếu thật sự muốn thấu hiểu, tiến nhập vài phân, mà nếu chỉ ngồi nghe dưới giảng đài sẽ rất khó, sợ rằng hai mươi năm cũng chả có tin tức gì. Tôi dâng lên quý vị một phương pháp: Quý vị phải lên đài giảng, giảng hằng ngày. Dẫu chẳng thể giảng hằng ngày, một tuần cũng phải giảng ba bốn lượt. Giảng được hai mươi năm chắc chắn sẽ có tin tức. Đây là kinh nghiệm của bản thân tôi. Do vậy, tôi cảm thấy học sinh học ở trên bục giảng, chứ không phải học ở dưới bục giảng. Dưới bục giảng đều là thầy giáo, đều là thiện tri thức. Học sinh ở trên bục giảng, chẳng phải là giảng kinh, mà là hằng ngày báo cáo những điều tâm đắc. Nói cách khác, mỗi ngày đều có đông đảo giáo viên như vậy đốc thúc, giám sát, nhắc nhở quý vị thì mới có thể thành công. Một hai vị thầy thì tầm mắt quá nhỏ, có thể gạt gẫm họ, có thể lừa nhác, lấp liếm cho xong, nhưng mấy trăm vị thầy, mấy trăm con mắt sẽ chẳng thể gạt gẫm được đâu!

Nhất định phải nghiêm túc nỗ lực thì chính mình mới có thể nhập cảnh giới này, biết tiêu quy tự tánh và chuyển Thức thành Trí ra sao. Thật sự hiểu thì sẽ chẳng khó, đến khi ấy mới là tu hành thật sự. Chẳng thể vận dụng nguyên tắc này thì có thể nói là “tu mù, luyện đui”, rất khó đạt được hiệu quả rõ ràng. Ví như tu nhẫn nhục, rất nhiều người đều nói, mà sự thật cũng đúng như vậy, mức nhẫn nại có hạn, đến cực hạn sẽ bùng nổ. Vì sao bùng nổ? Vì không tiêu quy tự tánh, không tiêu trừ, hóa giải được, nó vẫn tồn tại trong ấy, càng tồn tại càng nhiều, đương nhiên đến cuối cùng phải bùng nổ. Phải làm như thế nào? Hễ nó xảy đến bèn tiêu quy tự tánh, không còn nữa, nó xảy đến bèn hóa giải nó, không tích tụ, hóa thành gì vậy? Hóa thành trí huệ, hóa thành Thiên Định, hóa thành công đức. Nó biến hóa. Sự biến hóa ấy là chuyển biến, há chẳng phải là chuyển Thức thành Trí ư? Tham, sân, si, mạn đều là những thứ trong thức tâm mới có, hễ tiếp xúc liền biến thành trí huệ, đó gọi là “*chuyển Thức thành Trí*”.

Đến khi ấy mới thật sự chứng được “*bình đẳng Pháp Thân*”, Pháp Thân là bình đẳng. Tâm bình đẳng mới thấy pháp bình đẳng, mới thấy

cảnh giới bình đẳng. Mười pháp giới, trên từ chư Phật, dưới đến địa ngục A Tỳ, hoàn toàn bình đẳng, không hai, không khác, giống như tổ sư Hoàng Long của Thiên Tông đã khảo nghiệm người đến cầu học: “Cánh tay ta có giống tay Phật hay không?” Tức là trên bình đẳng với Phật. Ngài lại duỗi một chân ra, “chân ta có giống chân lừa hay không?” Lừa là súc sanh, dưới bình đẳng với súc sanh. Điều này hiển thị Nhất Chân pháp giới, phải hiểu ý nghĩa của Ngài. Phàm phu chúng ta nhìn thấy sẽ nghĩ chắc chắn chẳng bình đẳng, như vậy là không nhập môn được rồi! Do đó, mới nói mười pháp giới. Mười pháp giới là bình đẳng, đều là một pháp giới. Trong một pháp giới, có Phật, Bồ Tát, địa ngục, ngạ quỷ hay không? Thừa cùng quý vị, có chứ! Trên mặt Tướng thì có, trong Tánh thì không. Thành Phật thì Chân Như bản tánh của chúng ta chẳng tăng tí nào, đọa địa ngục A Tỳ, Chân Như bản tánh cũng chẳng tổn hoại tí xíu nào, bất tăng, bất giảm, bất sanh, bất diệt, Tướng có, Thể không, Sự có, Lý không. Trên Lý thì không có, chứ không phải là nói Tướng cũng chẳng có. Lầm rồi! Nơi Tướng là có! Tướng là do phần nào bất giác [trong chân tâm] biến hiện ra, do tâm bất giác dấy lên, biến hiện sâm la vạn tượng. Hễ giác thì cái bất giác ấy cũng là giác. Giác sự bất giác, Lý và Sự của bất giác đều hiểu rõ, không có một pháp nào chẳng hiểu rõ; do vậy, đặc đại tự tại trong hết thảy cảnh giới.

Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới không có Lạc Thọ (cảm nhận sự sung sướng). Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới không có lạc? Thừa quý vị, sự vui ấy là sự vui trong khổ và lạc, là tương đối. Do cảnh giới bình đẳng nên trong địa ngục A Tỳ không có Khổ Thọ, lia khỏi hết thảy Thọ. Thọ là giả, chẳng phải chân thật. Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả (khổ, sướng, buồn, vui, buông bỏ) là năm loại cảm thọ lớn của phàm phu. Đến khi quý vị đã “*tâm thế ly niệm*” thì cảm thọ khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều chẳng còn nữa. Cảm thọ khi ấy sẽ là một vị thanh tịnh bình đẳng, cảm thọ khi ấy mới là cực lạc. Do vậy, những cảm nhận “*khổ, lạc, ưu, hỷ, xả*” đều là khổ, trong bất giác mới có. Sau khi đã giác, [những cảm thọ ấy] sẽ không còn nữa, giác rồi mới có chân lạc.

(Diễn) Sở ngôn bất giác nghĩa giả, vị bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm.

(演)所言不覺義者，謂不如實知真如法一故，不覺心起而有其念。

(Diễn: Nói tới nghĩa “bất giác” thì chính là vì chẳng biết đúng như thật: “Trong Chân Như, các pháp là một”, nên tâm bất giác khởi lên, bèn có ý niệm).

Mấy câu này do Liên Trì đại sư viết trong phần Sớ, do chính Ngài tự viết, và cũng trích dẫn Khởi Tín Luận.

(Diễn) Kim thích “bất tri Chân Như pháp nhất”.

(演) 今釋不知真如法一。

(Diễn: Nay giải thích ý nghĩa “trong Chân Như, các pháp là một”).

Nay chúng ta không biết pháp giới là Nhất Chân, đây là gốc bệnh của sanh tử luân hồi. “*Chân Như pháp*” là gì? Là toàn thể pháp giới. Trong nhà Phật thường nói “*y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới (hoặc nói “tận hư không, trọn pháp giới”) là một, không hai*”. Câu nói này rất khó hiểu, chúng ta rất khó tiếp nhận. Vì sao nói là “*pháp nhất*”? Ta là ta, người khác là người khác, ta và người khác làm sao có thể hợp nhất? Chắc chắn chẳng thể hợp nhất! Vĩnh viễn không có cách nào thừa nhận [ta và người khác] cùng một Thể, đó là mê, là bất giác. Do vậy, trong hết thảy các pháp, quý vị mới sanh khởi những thứ phân biệt, chấp trước. Đó đều là những giới hạn do phân biệt, chấp trước vạch ra. Tách lìa phân biệt, chấp trước thì những giới hạn ấy chẳng còn nữa. Vì vậy, quý vị hãy nghĩ xem: Tách rời hết thảy những phân biệt, chấp trước, chẳng phải là vạn pháp trở về một hay sao? Vạn pháp vốn là một; những phân biệt, chấp trước này là hư vọng, nhất định chẳng phải là chân thật.

Tôi nêu lên một tỷ dụ nông cạn, gần gũi. Địa cầu của chúng ta là một chỉnh thể, nhưng người sống trên địa cầu nhóm người này tự hạn định một khu: Đây là quốc gia của tôi; nhóm người kia hạn định một khu khác, đây là quốc gia của họ, xong luôn! Đánh nhau, tàn sát lẫn nhau vì biên giới giữa hai quốc gia. Nếu họ bỗng nhiên giác ngộ, vốn là một, trọn chẳng có giới tuyến, người một nhà mà! Không đánh nhau nữa, sẽ không có chuyện gì nữa! Do vậy, những giới tuyến là do con người phân biệt, chấp trước mà phát sanh. Nếu đại chiến thế giới lần thứ ba bùng nổ, con người rất thông minh, thông minh đến tột cùng, vũ khí, khoa học kỹ thuật phát triển đến kết quả cuối cùng: Toàn bộ nhân loại đều bị hủy diệt! Người thông minh mới có thể hủy diệt chính mình, vì sao làm những chuyện ấy? Phân biệt, chấp trước! Phải hiểu rằng trong chân tâm vốn chẳng có phân biệt, chấp trước. Hễ có phân biệt, chấp trước thì chính là do “*bất tri Chân Như pháp nhất*” (chẳng biết trong Chân Như các pháp là một). Chư Phật, Bồ Tát tuyệt đối không cãi cọ, trọn chẳng tranh chấp, vì sao? Các Ngài biết “*Chân Như pháp nhất*”, hết thảy chúng sanh cảm nhận vui sướng,

bản thân các Ngài rất sung sướng. Hết thầy chúng sanh chịu khổ, các Ngài cũng rất khổ, tự mình chịu khổ. Thật phi phàm! Đây là “*đồng thể đại bi, vô duyên đại từ*”. “Vô duyên” là không có điều kiện, vì sao? Vì cùng là một Thể.

Quý vị mỗi đêm ngủ đều nằm mộng, hãy khéo suy nghĩ về cảnh trong mộng. Cái tâm ta tạo ra giấc mộng, cái được tạo là giấc mộng. Có người nào trong giấc mộng chẳng phải là chính ta? Đều do chính mình biến hiện. Mộng thấy một người thân ái thì chính là cái tâm của chính quý vị biến hiện ra, chứ không phải người ấy từ bên ngoài bước vào giấc mộng của quý vị. Không phải vậy! Mộng thấy người chán ghét, người ấy cũng do cái tâm của quý vị biến hiện ra, trọn chẳng phải là kẻ đáng chán ghét ấy chui vào trong giấc mộng. Quý vị mới thật sự giác ngộ: “*Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm*”. Hữu tình và vô tình trong mộng, núi, sông, đại địa đều là chính mình, há chẳng phải như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Tình và vô tình cùng viên mãn Chứng Trí*”. Thời gian trong cảnh mộng ngắn ngủi, quý vị tỉnh giấc sẽ có thể nghĩ thông suốt đạo lý ấy. Tất cả hết thầy cảnh giới là một, do một cái tâm hiện ra, đều là do chính mình hiện ra, nhưng sau khi quý vị tỉnh giấc mộng, thật ra vẫn đang nằm mộng, cả một giấc mộng lớn, không có cách nào nhận biết giấc mộng lớn ấy. Quý vị chẳng biết y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do chân tánh của chúng ta bất giác có ý niệm bèn hiện ra cảnh giới ấy.

Chân Như bốn tánh là như thế nào? Y báo và chánh báo trang nghiêm trong hiện tại chính là hình dáng của Chân Như bốn tánh. Nếu đang nằm mộng, thì cái tâm trong mộng ấy có hình dáng ra sao? Cảnh giới trong mộng là hình dáng của tâm. Toàn thể vọng là chân, toàn thể chân là vọng, toàn thể mộng là tâm, toàn thể tâm là mộng. Tâm và mộng là một, không hai. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới và Chân Như bốn tánh của chúng ta là một, không hai. Nếu quý vị thật sự thấu hiểu từ chỗ này thì sẽ chứng đắc Pháp Thân. Giống như trong giấc mộng, ta đột nhiên giác ngộ ta đang nằm mộng, toàn thể giấc mộng là chính mình, đó gọi là Pháp Thân. Pháp Thân là toàn thể, toàn bộ cảnh giới vốn là chính mình, đó gọi là chứng đắc Pháp Thân. Do vậy, Pháp Thân hiển hiện trước mặt chúng ta, nhưng chính chúng ta chẳng thừa nhận, chẳng biết y báo và chánh báo trang nghiêm là một Thể! Đối với một Thể lại khởi phân biệt, chấp trước, còn làm gì được nữa! Giác ngộ, hiểu rõ rồi thì pháp giới sẽ hòa thuận, tự tại. Mê thì do có phân biệt, chấp trước, nên

có đấu tranh, phải tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, phải chịu vô lượng khổ báo. “*Chẳng biết trong Chân Như các pháp là một*”, câu này có nghĩa là...

(Diễn) Vị bất liễu như lý nhất vị dã.

(演) 謂不了如理一味也。

(Diễn: Tức là chẳng hiểu rõ [các pháp] đúng như lý, có cùng một vị).

“*Liễu*” (了) là hiểu rõ. Kẻ ấy chẳng hiểu rõ hết thấy tướng đúng lý, chúng là một vị, chứ không phải hai vị. “*Một vị*” có nghĩa là bình đẳng, hết thấy pháp quả thật bình đẳng. Xét về tánh thì là bình đẳng, đây là điều không còn phải bàn cãi nữa, chúng ta đều công nhận. Tướng là bình đẳng, dấu là sâm la vạn tượng các thứ sai khác, tướng của chúng là một, không hai. Cơ bản của Tướng, cơ bản của vật chất chính là các lập tử cơ bản. Sâm la vạn tượng đều do các lập tử cơ bản hợp thành, trong kinh Phật gọi chúng là “*cực vi chi vi*” (thứ nhỏ nhất trong các thứ cực vi), còn gọi là Lân Hư Trần. Sâm la vạn tượng trong mười pháp giới đều do những thứ này tổ hợp thành. Nếu quý vị nhìn vào các lập tử cơ bản thì hết thấy tướng bình đẳng, là một tướng, không phải hai, không có hai thứ, mà là một thứ. Hơn nữa, thứ ấy là Tướng Phần. Tướng Phần và Kiến Phần có cùng một căn nguyên, lại càng bình đẳng. Kiến và Tướng có cùng một nguồn.

Tướng do đâu mà có? Tướng do Kiến Phần biến hiện, chứ thật ra không có thứ này. Nếu quý vị thật sự thông đạt đạo lý này, sẽ khế nhập cảnh giới này, mới hiểu bản thể của hết thấy các hiện tướng (tướng được biến hiện) chính là Không, trọn chẳng thể được! Tánh là Không, Tướng cũng là Không. Cái Không ấy chẳng phải là không có gì, Không là Có. Vì sao Có mà lại nói là Không? Vì chẳng thể được, quả thật chẳng thể được. Nếu chúng ta chú tâm lãnh hội, bất luận một pháp nào trước mắt cũng đều chẳng thể được. “*Chẳng thể được*” là sự thật, là chân tướng. Nếu quý vị có thể bỏ cái tâm được - mất thì sẽ tự tại. Trong “*chẳng thể được*” mà muốn cầu điều gì thì sẽ đau khổ! Tục ngữ thường nói: “*Sanh bất đới lai, tử bất đới khứ*” (sinh chẳng mang gì đến, chết chẳng đem theo gì đi). Quý vị thấy có người nào chết mà đem theo được vật gì hay không? Thứ gì cũng không đem theo được, cho thấy “*chẳng thể được*”; nhưng hiện thời chúng ta còn chưa chết thì vẫn mong có được! Thật ra, mỗi ngày ban đêm đi ngủ có khác gì chết đâu? Nói cách khác, mỗi đêm quý vị đã chết mấy tiếng đồng hồ mà quý vị vẫn không giác ngộ, rất ngu si vậy!

Trong thế gian, chẳng có vật gì là của quý vị hết; ngay cả thân thể cũng không phải! Quý vị hãy nghĩ kỹ: Khi ngủ, thân thể này có phải là của quý vị hay chẳng? Khi ngủ nằm mộng, đã sớm quên mất cái thân này rồi. Thân thể còn chẳng phải là của chính mình, huống hồ vật ngoài thân! Khi nằm mộng, thân mà còn chẳng mang theo được thì quý vị còn mang theo vật gì được nữa? Do vậy, người giác ngộ hằng ngày cảnh tỉnh, cảnh tỉnh trong mỗi giờ, cảnh tỉnh trong mỗi niệm. Nếu có tâm cảnh tỉnh cao như vậy thì mới có thể nhập môn. Phật pháp câu nào cũng nhằm nói với chúng ta pháp chân thật, chẳng có một lời dối trá nào, quyết định chẳng lừa gạt chúng ta. Nếu chúng ta muốn được tự tại thật sự, nhất định phải liễu giải chân tướng sự thật.

Phước báo, thụ dụng là xứng tánh. Do vậy, người thật sự nhập môn, sẽ được đại tự tại. Giả tướng này cũng vô cùng thù thắng. Quý vị thấy mười hai quyển đầu của kinh Hoa Nghiêm nói về sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong thế giới Hoa Tạng, loại hưởng thụ ấy trong nhân gian chúng ta không có. Chẳng những nhân gian không có mà cõi trời cũng chẳng có. Sự hưởng thụ phú quý của họ do đâu mà có? Chẳng do con người tạo ra, mà cũng chẳng do tu được, trong Chân Như bản tánh vốn sẵn trọn đủ. Phước báo xứng tánh, chỉ cần quý vị thấy tánh, bỏ được ý niệm “được - mất, lấy - bỏ”, sẽ thụ dụng tự tại, hoàn toàn xứng tánh như vậy. Nếu quý vị chẳng thể bỏ được, trong chân tánh vẫn còn một phần bất giác thì phước báo phải do tu mà có, vì sao? Chẳng thể dùng được phước báo xứng tánh, nó chẳng khởi tác dụng.

Tôi lại nêu tỷ dụ: Phước báo xứng tánh giống như tài sản trong nhà quý vị. Giả sử quý vị có trương mục một trăm vạn trong ngân hàng, đó là xứng tánh. Hiện thời ra phố, đi ăn cơm, trong túi không có tiền, kẹt quá chừng! Tuy có tiền, nhưng tiền ấy là xứng tánh, hiện thời bên mình không có, không lấy ra được. Món tiền tiêu dùng lật vạt nơi thân trong hiện tại phải do tu mà có. Nếu là xứng tánh thì chẳng cần phải tu, trong bản tánh vốn có sẵn. Quý vị nói xem: Thứ phước báo nào là lớn? Hiểu được đạo lý này sẽ nhanh chóng cầu minh tâm kiến tánh. Kiến tánh rồi phước báo mới lớn, thật sự lớn! Pháp môn Tịnh Độ gọi “kiến tánh” là “nhất tâm bất loạn”. Do vậy, nhất định phải sót sáng nỗ lực, tu đến nhất tâm bất loạn, phước báo xứng tánh hiện tiền.

Chúng ta nay đang mê hoặc, phước báo phải do tu mà có. Kinh thường dạy: Tu Tài Bồ Thí được giàu có. Trong quá khứ, quý vị tu Tài Bồ Thí nhiều, trong một đời này tài sản nhiều, giàu to. Đời trước quý vị chẳng tu Tài Bồ thí, đời này cuộc sống vật chất nhất định nghèo nàn, thiếu hụt,

đó là đạo lý nhất định. Quý vị tu Pháp Bồ Thí, đời này được thông minh, trí huệ. Quý vị tu Vô Úy Bồ Thí, đời này được khỏe mạnh, sống lâu. Có quả, nhất định phải có nhân. Khi đang mê, tu nhân nào sẽ được quả báo ấy, nhân quả chẳng sai mấy may, đó là do tu mà có. Đã là “tu nhân sẽ có thể đạt được quả báo” thì có thể bỏ quả báo được hay không? Thưa quý vị, không thể bỏ được, vì vẫn còn nhân. Quý vị nói: “Tôi có quả báo phú quý, tôi không cần, tôi tặng cho người khác”, có thể được! Quý vị có thể tặng cho người khác, không đầy mấy bữa lại có [tiền bạc] đưa tới. Trong mạng quý vị có [tài sản] mà! Trong mạng đã có thì bỏ chẳng được. Trong mạng không có, cầu cách nào cũng chẳng cầu được. Chuyện là như vậy đó! Trước kia, tại Đại Lục, vị thần tài mà người ta thờ là Đào Châu Công, tức là Phạm Lãi thời Xuân Thu, ông ta nhất định là Bồ Tát tái lai, thật phi phàm! Ông ta giúp Việt Vương Câu Tiễn phục quốc, công lao hết sức to. Khôi phục đất nước xong, công thành, thân thoái, không làm quan, đổi họ tên thành Đào Châu Công, buôn bán, ba lần phát tài, ba lần phân tán tài sản. Buôn bán chẳng mấy năm, phát tài to, ông đem tiền của bố thí trọn khắp để cứu giúp người nghèo. Phân tán hết sạch rồi lại bắt đầu buôn bán bằng món tiền vốn nhỏ nhoi. Không đầy mấy năm lại phát tài to. Điều này cho thấy trong mạng ông ta có tiền của, có bỏ cũng bỏ không được. Đây là hiện tượng trong khi chúng ta còn đang mê. Nếu là xứng tánh, hết thấy phước báo đều tự nhiên, chẳng do tu mà có. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, tu nhân khẩn yếu lắm!

Bồ Tát từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai tu pháp môn gì vậy? Chính là tu bố thí. Bố thí là xả, là buông xuống. Chỉ có thật sự buông xuống được thì mới thấy thấu suốt. Buông xuống giúp cho thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt giúp buông xuống. Thấy thấu suốt là trí huệ, buông xuống là giải thoát, tự tại, tức ba đức Bát Nhã, Giải Thoát và Pháp Thân đều thuộc trong ấy. Chẳng phải là quý vị muốn chứng Tam Đức mật tạng hay sao? Nhất định phải tu Bồ Thí Ba La Mật. Đoạn này nói lên ý nghĩa: Quý vị chưa thể hiểu rõ pháp giới là một.

(Diễn) Đắc kiến tâm tánh, tâm tức thường trụ, danh “như thật tri”, tức thử bất tri, tức thị căn bản vô minh.

(演)得見心性，心即常住，名如實知。即此不知，即是根本無明。

(Diễn: Thấy được tâm tánh thì tâm bèn thường trụ, gọi là “biết đúng như thật”. Nếu chẳng biết điều này thì sẽ là căn bản vô minh).

“*Như thật tri*” là gì? Như thật tri là thấy tâm tánh. Gộp hai chữ tâm tánh để nói thì “*tâm*” là thức thứ tám, “*tánh*” là Chân Như bản tánh. Tánh là Thể của tâm, tâm là tác dụng của tánh. Tâm và tánh được gộp lại một chỗ để nêu rõ ý nghĩa Thể và Dụng không hai; Thể và Dụng là một, không hai. Nói tách ra thì có khi tâm là tánh, tánh là tâm, phải nhìn vào những câu văn ở phía trước và phía sau câu này để nhận ra ý nghĩa. Hai chữ này gộp lại thì một là nói về chân tâm, hai là nói về vọng tâm. Chân tâm là Thể, vọng tâm là tác dụng.

Nếu quý vị thấy tâm tánh, tâm và tánh là một, Thể và Dụng không hai, Thể và Dụng giống hệt nhau, tâm là thường trụ. Kinh Lăng Nghiêm nói “*chân tâm thường trụ*”. Trụ có nghĩa là bất động, động là chẳng trụ. Chân tâm thường trụ là cái tâm thường trụ, thanh tịnh, tịch diệt, mà cũng là cái tâm “*tâm thể ly niệm*”, không có hết thấy vọng niệm. Đây là chân tâm, đó gọi là “*như thật tri*”. Kinh Pháp Hoa gọi cái “*tri*” ấy là Phật tri, Phật kiến. Trong kinh Pháp Hoa, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta: “*Khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật*”. Như thật tri chính là Phật tri, Phật kiến, mà cũng “*chánh tri, chánh kiến*” như chúng ta thường nói. Có thể thấy rằng: Chánh tri, chánh kiến từ tâm thể ly niệm sanh ra. Nói cách khác, nó từ chân tâm sanh ra. Chân tâm khởi tác dụng là Phật tri, Phật kiến, là “*như thật tri*”.

“*Tức thử bất tri*” (nếu không biết điều này): Kẻ ấy không biết đúng như thật, sẽ suy nghĩ loạn xạ, chỗ nào cũng suy đoán, nghi hoặc, biến thành hiện tượng như vậy. “*Tức thị căn bản vô minh*”: Phật pháp nói “*căn bản vô minh*” nhằm chỉ điều này. Một niệm tối sơ bất giác nên chẳng thể biết Chân Như pháp giới đúng như thật. Đó gọi là căn bản vô minh. Vô minh là chẳng sáng suốt.

(Diễn) *Tâm khởi hữu niệm, tức thị nghiệp tướng.*

(演) 心起有念，即是業相。

(Diễn: *Tâm khởi lên, có ý niệm, chính là tướng trạng của nghiệp*).

Phải đặc biệt chú ý hai câu này! Trong tâm khởi lên ý niệm thì gọi là “*tạo nghiệp*”. Ai chẳng tạo nghiệp? Như Lai mới chẳng tạo nghiệp. Bồ Tát đều tạo nghiệp, Bồ Tát gọi là “*giác hữu tình*”, “*hữu tình*” là tạo nghiệp. Tuy tạo nghiệp nhưng các Ngài giác ngộ, giác chứ không mê, nên gọi là Bồ Tát. Thật sự chẳng tạo nghiệp là Phật. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, sau khi giác ngộ thì nghiệp đã tạo gọi là “*tịnh nghiệp*”; nếu bất giác thì nghiệp đã tạo gọi là “*nhiễm nghiệp*”. Nghiệp có nhiễm và tịnh, trong nhiễm nghiệp lại có thiện và ác.

Ác là nhiễm, mà thiện vẫn là nhiễm. Quả báo của ác nghiệp là trong tam ác đạo, quả báo của thiện nghiệp là trong ba thiện đạo. Người ấy không thoát khỏi luân hồi, vì sao? Đều là do nhiễm nghiệp ô nhiễm chân tâm của chúng ta. Tịnh nghiệp tuy là có nghiệp, nhưng chẳng nhiễm. Do vậy, người ấy có thể vượt thoát tam giới, đạo lý là ở chỗ này. Quý vị phải ghi nhớ: Tâm chẳng thể hữu niệm, tâm có niệm là “*nghiệp tướng*”, tức là tướng đầu tiên trong ba tướng Tế của A Lại Da thức.

(Diễn) Luận vân: Y bất giác cố, tâm động, thuyết danh vi nghiệp dã.

(演) 論云：依不覺故，心動說名為業也。

(Diễn: Khởi Tín Luận viết: “Do nương theo bất giác nên tâm động, gọi là nghiệp”).

“*Nghiệp*” là sự nghiệp, nghiệp là tạo tác. Chẳng tạo tác sẽ chẳng gọi là “*nghiệp*”. “*Tâm động*” bèn trở thành nghiệp. Tâm rỗng rang, tâm tịch tĩnh, tâm ly niệm; nói chung, phải hiểu rõ những ý nghĩa này. Tu hành quan trọng nhất là tu tâm. Cái tâm của chúng ta rất ác, phải tu thành rất thiện. Có nhiên, quý vị tu tâm thì vẫn là tu nhiễm nghiệp. Nếu thật sự hiểu rõ tâm là Không, trong tâm bất cứ gì cũng đều chẳng có, quý vị tu pháp tịch tĩnh, đó gọi là “*chân tu hành*” (tu hành thật sự).

Phật pháp thường lấy hình tròn làm biểu tượng, chẳng hạn “*pháp luân thường chuyển*”. Quý vị hãy nghĩ xem, hình tròn có tâm hay không? Đương nhiên có. Ở chỗ nào? Tìm không được. Chân tâm là như vậy, nó có, nhưng nó là không. Tâm quả thật cái gì cũng không có, nó khởi tác dụng giống như bản thân đường tròn, đại chuyển pháp luân, diệu dụng vô cùng. Vì thế, học Phật là tu tâm. Tu tâm chính là tu cái tâm “*trạm tịch, hư linh*” này, tâm nhất định phải rỗng không, thứ gì cũng đều chẳng có. Thế nhưng chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay tập khí phiền não quá nặng. Nói cách khác, vọng tưởng từ đầu đến cuối chẳng đoạn, ngay cả ngủ nghỉ cũng chẳng chân thật, vẫn nằm mộng. Nằm mộng là khởi vọng tưởng. Quý vị đã hiểu tánh chất nghiêm trọng của vấn đề rồi đó!

Tu hành dễ dàng, tu tâm khó khăn! Có thể nói pháp môn Niệm Phật là một loại thuốc thanh lương cho việc tu tâm, là phương thuốc hết sức tuyệt diệu. Chẳng phải là quý vị có vọng niệm đó sao? Được rồi! Vọng niệm gột không hết thì xoay chuyển nó. Chẳng khởi niệm thì thôi, hễ khởi niệm bèn A Di Đà Phật, chuyển biến hết thảy vọng niệm thành một niệm, cách này rất mâu nhiệm! Một niệm ấy công đức vô lượng vô biên, tuy

niệm ấy (niệm A Di Đà Phật) vẫn là vọng niệm, nhưng hết thấy những vọng niệm tạp nhạp của quý vị đã được gom thành một, quy về một vọng niệm. Đây là cương lĩnh tu học trọng yếu trong Phật pháp. Chỉ cần quy ý niệm về một, quy về một câu A Di Đà Phật, lâu ngày chầy tháng, nhất định sẽ hoảng nhiên đại ngộ, sẽ đắc Lý nhất tâm bất loạn, chứng đắc “*Chân Như pháp nhất*”. Nói cách khác, chứng đắc cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm gọi cõi Thật Báo Trang Nghiêm là Nhất Chân pháp giới. “*Thật*” là chân thật. Pháp chân thật chỉ có một, chỉ có pháp chân thật mới gọi là trang nghiêm. Hết thấy hư vọng chẳng đáng gọi là trang nghiêm, chỉ có chân thật mới thật sự là trang nghiêm!

Chúng ta hãy đặc biệt chú ý: Tâm động là tạo nghiệp! Do vậy, phải nhanh chóng chuyển nghiệp. Chuyển “khởi tâm, động niệm” thành A Di Đà Phật, chuyển nhiễm nghiệp thành tịnh nghiệp, chuyển từ chỗ này. Quý vị chuyển được thì là tu hành thật sự. Tu hành không phải là suốt ngày từ sáng đến tối cầm cuốn kinh để tụng niệm, lần chuỗi niệm Phật, gõ mõ, hằng ngày đập đầu lay lục tại nơi đó, chẳng phải là tu nơi hình thức. Những thứ đó là công phu bề ngoài. Tu hành chân chánh thì phải dồn sức nơi tâm, thực hiện công phu nơi khởi tâm động niệm, ý niệm vừa dấy lên bèn chuyển thành Phật hiệu, đó gọi là “*tu từ căn bản*”, nay chúng ta phải thực hiện từ chỗ này.

Thực hiện từ chỗ này thì có phải là dốc sức nơi nghiệp tướng hay chẳng? Chẳng phải vậy! Nếu hướng theo phía nghiệp tướng thì cũng không sai, nhưng chẳng thể chuyển nghiệp tướng. Vì sao? Nghiệp tướng ấy chính là [cái tâm bị dao động] vô cùng vi tế. Sự dao động vi tế ấy chính là khởi tâm động niệm, bản thân chúng ta chẳng thể cảm nhận được. Ví như ban đêm quý vị nằm mộng, do tâm động mới có mộng cảnh; quý vị có thể cảm nhận tâm động hay chẳng? Chẳng cảm nhận được, quá vi tế mà! Hiện thời, chúng ta có thể cảm nhận những thô niệm (ý niệm thô tháp), tham, sân, si, mạn là những thô niệm, chứ chẳng thể cảm nhận tế niệm. Đối với những ý niệm vi tế (tế niệm) [chẳng hạn] như nghiệp tướng, kinh Đại Thừa nói hàng Bát Địa Bồ Tát mới có thể nhận biết được. Do vậy, đạt đến Bát Địa mới có thể chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí. Đây là nói về Viên Giác, từ Sơ Trụ kiến tánh cho đến Bát Địa gồm ba mươi tám địa vị Bồ Tát. Giống như đi học, mỗi năm học một lớp cho đến hết ba mươi tám lớp. Có tất cả bốn mươi một lớp, học hết bốn mươi một lớp sẽ tốt nghiệp, đến lớp thứ ba mươi tám mới thấy được những ý niệm vi tế. Nay chúng ta có thể tự nhận biết những ý niệm thô, những ý

niệm ấy vừa dậy lên liền ngay lập tức chuyển chúng thành Phật hiệu, đây là công phu tuyệt diệu, là chỗ để chúng ta dốc sức tu hành.

Do vậy, cổ đức nói: Hạnh môn trong Đại Thừa Phật pháp không phải là tu hành nơi hình tướng, mà tu nơi khởi tâm động niệm, hãy đặc biệt chú ý tới chỗ này! [Tuy vậy], hình thức cũng chẳng thể phế trừ, hình thức nhằm mục đích đại từ đại bi tiếp dẫn chúng sanh, nó vẫn có tác dụng thù thắng nhất, gây ảnh hưởng cho những người chưa học Phật. Cá nhân tu hành thì không cần phải coi trọng hình thức. Có rất nhiều đồng tu người nhà của họ còn chưa học Phật, nếu có những nghi thức sợ rằng sẽ khiến người nhà khó chịu, hủy báng, thậm chí gây chướng ngại, quý vị hãy nên dụng công nơi tâm địa. Nếu người nhà chẳng phản đối thì có thể vận dụng nghi thức, vì sao? Những nghi thức ấy có thể ảnh hưởng người nhà quý vị. Tuy họ không lễ Phật, nhưng họ thấy quý vị hằng ngày lạy Phật, đã gieo hạt giống lạy Phật vào A Lại Da thức của họ. Họ không niệm Phật, nhưng hằng ngày nghe quý vị niệm Phật, hạt giống ấy cũng gieo vào trong thức tâm (cái tâm bị điều khiển bởi thức, không phải là chân tâm) của họ, giống như quý vị đã độ họ, chỉ cần họ không phản đối. Nếu họ phản đối, nói chung phải tránh né, đừng câu nệ hình thức, như vậy sẽ là công đức viên mãn.

(Diễn) *Nhiên thử tuy động niệm nhi cực vi tế, duyên khởi nhất tướng Năng Sở bất phân, tức đương Lê Da Tự Thể Phần dã.*

(演) 然此雖動念而極微細，緣起一相能所不分，即當黎耶自體分也。

(Diễn: *Ý niệm ấy tuy động nhưng vi tế tột bậc, duyên khởi một tướng, Năng và Sở chẳng phân, đấy chính là Tự Thể Phần của A Lại Da thức.*)

Đây là ba tướng Tế, tức là ý niệm hết sức vi tế. Do vì niệm đã động, nên mới có y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Vũ trụ do đâu mà có? Do tâm bất giác dậy động mà có! Chúng ta đêm ngủ nằm mộng, do tâm bất giác động nên hiện ra cảnh trong mộng. Trong Chân Như bốn tánh, tâm bất giác động niệm, hiện ra y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. “*Duyên khởi nhất tướng, Năng Sở bất phân*”: Trong một niệm tối sơ, chủ thể động (tâm bất giác), cái bị động (ý niệm), chủ thể hiện (vọng tâm), đối tượng được hiện (y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới) chẳng dễ gì phân biệt được. Vì sao chẳng dễ gì phân biệt được? Điều này cho thấy động và tịnh có cùng

căn nguyên, có cùng một tự thể là Chân Như bốn tánh. “*Tức đương Lê Da Tự Thể Phần*”: Chính là Tự Thể Phần của A Lại Da thức. Trong bốn phần (Tướng Phần, Kiến Phần, Tự Chứng Phần, Chứng Tự Chứng Phần) của Duy Thức, nó chính là Tự Chứng Phần, tức Tự Thể Phần của A Lại Da Thức. Vì thế, thoát đầu, Kiến Phần và Tướng Phần có cùng một nguồn. Kiến Phần là Năng, Tướng Phần là Sở. Năng và Sở cùng một nguồn.

Do vậy, một niệm tối sơ thật chẳng dễ dàng phân định [đâu là Năng, đâu là Sở], gần như là một chuyện, đành phải để cho nó tiếp tục tăng trưởng rồi hai phần Kiến và Tướng mới càng ngày càng thêm rõ rệt hơn.

Đến chỗ này, [toàn bộ những câu văn trong sách Diễn Nghĩa] chỉ nhằm giải thích câu “*dĩ bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm*”. Nhất niệm có mối quan hệ hết sức lớn, trong khi ấy, không thể nào nhận biết được một niệm này, nên nó mới diễn biến thành cảnh giới hiện tiền của chúng ta.

(Diễn) Vô minh sở phú, thất bản lưu mạt giả.

(演) 無明所覆，失本流末者。

(Diễn): “*Vô minh che lấp, đánh mất gốc, chạy theo ngọn*” là...)

“*Bôn*” (gốc) là Nhất Chân pháp giới, “*mạt*” (ngọn) là mười pháp giới; *Bôn* là Chân Như bốn tánh, *Mạt* là tam tế, lục thô (ba tướng Tế, sáu tướng Thô của A Lại Da thức).

(Diễn) Vô minh, tức căn bản vô minh, tức bất như thật tri dã. Phú, vị phú cái chân tánh. Bôn tức chân tánh, Mạt vị tam tế, lục thô, ký thất bản tự lưu mạt.

(演) 無明，即根本無明，即不如實知也。覆，謂覆蓋真性。本即真性，末謂三細六粗，既失本自流末。

(Diễn): *Vô minh là căn bản vô minh, tức là chẳng biết đúng như thật. Phú là che lấp chân tánh. Bôn là chân tánh. Mạt là tam tế, lục thô. Đã mất gốc liền tự chạy theo ngọn.*

“*Tam tế, lục thô*” biến hóa thành lục đạo luân hồi hiện tiền, biến hiện ra các cõi nước Phật và đại thiên thế giới. Đại thiên thế giới là lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi là đại thiên thế giới. Do vậy, chính mình mê, chính mình tạo, chính mình chịu. Trong ấy, chắc chắn chẳng thể oán trời, hờn người. Nếu oán trời, hờn người, sẽ tạo nghiệp càng sâu, càng bị hãm sâu, nhất định phải giác ngộ: Hết thấy cảnh duyên đều là tự làm, tự

chịu. Người giác ngộ là Bồ Tát, Bồ Tát chẳng sợ quả báo, cảnh nghịch xảy đến bèn thuận theo, đón nhận quả báo rất tự tại, vì Ngài đã hiểu “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, giống như nằm mộng, biết “*hết thấy pháp đều chẳng thể được*”. Do vậy, bất luận là nghịch cảnh hay thuận cảnh, không gì chẳng tự tại; người giác ngộ mới làm được! Người mê hoặc không thể làm được, chẳng thể tự tại. Trong Phật Học Thập Tứ Giảng có nói: “*Ác nan khiển, hảo nan cầu*” (ác khó đỏi, tốt khó cầu), miễn cưỡng đoạn ác mà mong cầu điều tốt sẽ cầu chẳng được, đó là chuyện không thể xảy ra được! Do vậy, nếu thật sự biết cầu thì nhất định phải hiểu lý, tu học đúng lý, đúng pháp, ắt là “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Hôm nay tôi giảng đến đây!